

- Bác (nội,ngoại) đều gọi là nư
- Chú, cậu, dượng đều gọi là đeh
- Cô (chị em cha), dì (chị em mẹ) đều gọi là yông
- Mợ (vợ cậu) gọi là đeh b'yông

Các từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc trên phản ánh hiện thực: chế độ theo dòng mẹ đã tan rã nhưng chế độ theo dòng cha chưa hoàn toàn thắng thế, độc tôn.

(Để so sánh: người Châu Ro ấp Vinh Thanh, xã Ngãi Giao cũ, huyện Châu Đức, Bà Rịa -Vũng Tàu có sự phân biệt rõ hơn:

- Ông cụ già: *côr câm vinh*, bà cụ già: *un câm vinh*
- Ông nội: *va nội*; bà nội: *va ya vày*
- Ông ngoại: *va ngoại*; bà ngoại: *va ya mây*
(các từ nội, ngoại vay mượn rõ rệt)
- Cha mẹ chồng: *vàp, mây a xực klô*
- Cha mẹ vợ: *vàp, mây a xực ur*
- Bác trai, gái: *mí klô, ur*
- Cô ruột: *yông a vàp*; dì ruột: *yông a mây*;
thím dâu: *yông sâu*
- Anh chị: *pôp*

- Con: *con klô* (con trai), *con ur* (con gái)
- Cháu: *xnau* (*klô*: trai, *ur*: gái)
- Cháu họ: *k'mol* (*klô*, *ur*)
- Chắt ruột: *xne*; chít ruột (6 đời tính từ ông bà, cha mẹ)

Tóm tắt so sánh hệ thống thân tộc của người Châu Ro với Việt:

- ông bà: *va* hoặc *un*, *câu*
- cha mẹ: *vàp*, *mê* (*mây*)
- êgô
- con: *con*
- cháu: *x'nao*
- chắt: *xoe*
- chít: *xnoach*

Người Châu Ro không có từ tương đương với cụ (thân sinh ông bà), cố (thân sinh cụ). Điều đó có lẽ nói lên một hiện thực: trước kia tuổi thọ người Châu Ro thấp, hiếm thấy cảnh bốn, năm đời cùng chung sống dưới một mái nhà dài.

Con trai Châu Ro từ lúc còn nhỏ đã được người cha truyền lại và rèn luyện đức tính dũng cảm qua các buổi săn bẫy thú: gài bẫy, bắn ná, phóng lao, sử dụng chà gạc... Đứa nhỏ được tham

gia các cuộc hội họp, cúng lễ, tang ma, cưới xin... của cộng đồng, bộ tộc. Nó còn được mẹ dạy cách đan các loại gùi khác nhau.

Con gái Châu Ro được mẹ và các dì dạy nấu ăn, dẫn vào rừng hái lượm rau quả rừng ăn được, tát cá... Nó còn được dạy cách dệt thổ cẩm làm váy. Qua các sinh hoạt của cộng đồng, bé gái Châu Ro học dân ca (hò, hát), múa... và trưởng thành dần.



Thiếu niên (xưa)

Khi trai gái đã lớn, họ được tự do tìm hiểu nhau qua các buổi làm rẫy, tát cá, đi săn... và các buổi cúng lễ, cưới xin. Đôi trai gái tìm nơi vắng vẻ để tâm sự bước đầu. Rồi ban đêm, chàng trai đến nhà cô gái với nhánh lồ ô trên tay, đút cây vô cửa hoặc chọc từ dưới sàn lên. Nếu cây được kéo vào là cha mẹ cô gái đã ngủ; nếu cây bị đẩy ra là cha mẹ còn thức, hãy đợi đấy. Cửa mở ra, anh con trai vào ngủ cùng cô gái, sớm hôm sau ra về, trước khi cả nhà dậy. Ba đêm liền như vậy mà người con trai chưa nói gì đến cưới hỏi hoặc trao vật làm tin thì người con gái yêu cầu anh ta để lại: áo, khăn, vòng... Như vậy, cơ sở của tình yêu vẫn là “muôn thuở”: hai bên mến nhau vì nét chăm chỉ, người con trai thì săn giỏi và đan lát tài, con gái dệt giỏi, cũng có đôi

ưa thích nhau vì vẻ đẹp bề ngoài, về cách nói năng hoạt bát, linh lợi hoặc vì “nhà bên kia” khá giả... Trong tình yêu, người con gái Châu Ro luôn có mẹ và các dì làm cố vấn; nếu mẹ không ưng thì cuộc sống tương lai của đôi vợ chồng trẻ có thể gặp khó khăn. Kiểu tìm hiểu của nam nữ thanh niên Châu Ro khá xa lạ với người Việt nhưng thật sự tự do. Trong kho từ vựng Châu Ro không có từ chỉ sự trinh tiết.

Cả chàng trai và cô gái đều nói chuyện với cha mẹ mình về mối quan hệ tình cảm đó. Có sự khác biệt giữa các địa phương ở Túc Trưng thì cha mẹ cô gái giữ chàng trai ở lại rồi cho người đi mời cha mẹ anh tới để hai bên nói chuyện; trong khi đó ở Xuyên Mộc (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) cha mẹ cô gái chủ động qua nói chuyện với bên chàng trai. Người Châu Ro vùng Bảo Chánh đi làm đấm nói (hỏi vợ - lục xai) cho con trai bằng cách nhờ mai mối. Ông mai có thể là họ hàng, cũng có thể là người ngoài, song phải thạo giao tiếp, có khả năng đối đáp tốt. Sau khi ông mai trình bày cha mẹ cô gái mà mè chút đỉnh: “Con gái tôi còn dại lắm...” Cuộc trao đổi giữa hai bên kết thúc bằng việc ấn định ngày cưới, số lễ vật nhà trai phải mang sang vào bữa đó (hơi khác người Việt là sính lễ mang san trước ngày cưới). Ở Lý Lịch, cha mẹ của đôi trai gái yêu nhau đến thăm nhà nhau. Cha mẹ

chàng trai chú ý quan sát bếp nhà cô gái có ngăn nắp, sạch sẽ không. Nếu bếp gọn gàng, điều đó chứng tỏ cô gái siêng năng, biết việc bếp núc Đó là tiêu chuẩn của cô dâu tương lai. Cha mẹ họ hàng cô gái thì chú ý xem các dụng cụ sản xuất, sẵn sẵn của chàng trai: chà gạo, rìu, ná, gùi... có đẹp, chắc chắn không, chàng có biết đan gùi không?. Những vật dụng trên có thể làm nổi bật phẩm chất chăm chỉ, dũng cảm, khéo léo... của anh và tương lai anh sẽ là người chồng tốt - trụ cột vững chắc của gia đình. Ở những nơi nhà gái chủ động qua nhà trai nói chuyện hôn nhân thì họ mang theo: một lát rượu, một con gà, 4 cặp bánh nếp, trầu cau, thuốc hút... Ở Lý Lịch, có gia đình đem theo lễ vật cưới là: heo, trâu, chà gạo, chúc rượu cần... Mỗi món gồm một đôi thì vợ chồng sẽ không đơn côi lẻ bóng. Ở Túc Trưng, nhà gái qua nhà trai trước, mang theo rượu, gà vịt, trầu cau, thuốc hút, một số bánh

dày, 50 bánh tét nhỏ, 300 bánh ống... công bố để hai bên biết về tình yêu của đôi trai gái. Trong lần cặp này, nhà trai thêm thắt rượu, gà vịt... để cuộc “nói chuyện” thêm xôm tụ và đi đến kết luận vui vẻ. Nếu cha mẹ chàng trai đã qua đời thì người cậu nhận thay.

Người Châu Ro thường cưới vào mùa khô, từ tháng chạp đến tháng ba âm lịch, là lúc nông nhàn. Lúa đã nằm gọn trong kho, công việc nương rẫy

chưa bận rộn. Mùa mưa là mùa làm nương rẫy người ta phải dốc hết sức lực và tận dụng thời gian để lao động. Lúa trong kho đã vơi, ít ai dám nghĩ chuyện cưới xin. (Nhưng đến nay, do cư trú xen kẽ với các dân tộc anh em khác, một số thanh niên Châu Ro tổ chức cưới vào thời điểm mà gia đình họ thấy là phù hợp). Hôn nhân là niềm vui lớn trong cuộc đời đôi lứa cần được làng xóm biết, có nhiều người dự càng tăng niềm vui cho chủ nhà và cặp vợ chồng mới.

Nếu gia đình bên trai nghèo, bà con cùng dòng họ tùy khả năng mỗi người giúp một vài thứ: gạo, tiền, gà vịt... hoàn toàn tự nguyện không đòi hỏi về sau phải đền đáp. Đây là nét phong tục tốt đẹp cổ truyền, ở dân tộc Châu Ro không có tình trạng vì quá nghèo mà người con trai phải chịu cảnh cô đơn buồn khổ suốt đời (xã hội người Việt xưa kia có cảnh 2 người yêu nhau mà đành dứt bỏ mối tình vì anh thanh niên không có tiền cưới, ở vậy suốt đời).

Ngày làm đám cưới (lại *xa piêng*), họ đàn trai qua nhà gái và mang theo: ché (*tôh*), rượu, gà vịt, heo, bánh nếp, trầu cau, thuốc hút, mùng mền, chiếu... Con heo phải dắt, bà con kiêng cử chỉ ***khiêng người chết, con vật lớn chết***. Đám cưới kéo dài suốt ngày, tới tận đêm khuya. Gia đình khá

giả có thể đãi khách gần xa và họ hàng thân quen hàng hai ba ngày liền.

Ở Bảo Chánh trước đây, dẫn đầu họ nhà trai là **thầy chang** (*katungđăp*). Thầy chang đang gái chờ ở cửa, hát đón nhà trai bằng một bài dân ca *yalyau*. Trước khi đón nhà trai thì nhà gái đã làm cơm cúng ông bà. Khi hai họ yên vị, những người tiếp tân đang gái trót rượu quảng (rượu ịt, *xetom*) mời mỗi thành viên nhà trai một ly nhỏ. Người đại diện mỗi bên lần lượt giới thiệu từ những người có vai vế nhất tới người chót (trước hết là ông bà, cha mẹ, bác chú, cậu, dì dượng, anh em chị em...) để chú rể, cô dâu được biết. Sau khi cúng vái bàn nhang (gô yang), chú rể và cô dâu phải cúi lạy họ hàng 4 bên (họ nội nhà trai, họ ngoại nhà trai, họ nội nhà gái, họ ngoại nhà gái) từ bậc cao nhất trở xuống, ông già đầu tộc làng, các vị chức sắc trong làng (ông cả, ông sếp). Người ta trải chiếu và mền cho cặp vợ chồng trẻ nằm dài mấy phút (có tính tượng trưng), sau đó họ quỳ gối đối mặt với nhau, một người chuẩn bị rượu để chàng rể mời mỗi người bên nhà gái một ly, cô dâu mời mỗi người nhà trai một ly... Đôi vợ chồng có thể phải qua dâng rượu suốt ngày tới khuya nếu họ mạp đông và người được mời còn vừa nhâm nhi, vừa vui vẻ trò chuyện. Đến nay việc lễ tổ tiên còn duy trì, song việc lạy họ hàng 4 bên đã bớt đi hoặc bỏ hẳn.

Ông bà, cha mẹ, họ hàng dạn dò 2 người ngắn gọn và có thể tặng phong bao nhỏ. Mời rượu giáp vòng rồi, chú rể và cô dâu uống chung một ly rượu, chàng uống trước, đó là lời giao ước chung sống trọn đời cùng nếm vị tình yêu nồng thắm và đắng cay. Hai bên họ hàng và ăn uống, hát hò vui chơi, đánh đồng la (bộ công chiêng 6 chiếc) suốt đêm, sáng hôm sau mọi người giải tán, chàng rể ở luôn bên vợ.

Tám ngày sau, dâu và rể cùng về nhà trai, mang theo gà vịt, rượu bánh, trầu cau, thuốc hút... và một tiệc nữa lại diễn ra. Cô dâu về bên trai một tuần lễ thì hai vợ chồng trẻ về ở hẳn bên gái. Cha mẹ chàng trai có thể cho một số tài sản: trâu, ché, đồng la, mâm nôi, ruộng rẫy... Cho đến nay, tục bắt rể ít nhất ba năm còn khá phổ biến trong cộng đồng người Châu Ro. Đó là nét bảo lưu tàn tích chế độ mẫu hệ. Song ở những vùng người Châu Ro cư trú xen kẽ với người Việt, người Hoa thì khi cưới cô dâu về ở luôn nhà chồng, với những nghi lễ thông thường của các cộng đồng dân tộc Việt, Hoa.

Người Châu Ro có tục kiêng cử không được gọi tên của ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì dượng, anh chị – nghĩa là tất cả các bề trên hai bên – mà chỉ được gọi bằng thứ, thí dụ: bác Hai, cô Ba, dì Tư... nếu không có thái độ bất kính, bị phạt vạ một lít rượu, một con vịt. Thậm chí chàng rể đi tiêu, tiểu

trong rừng cũng phải kính đáo không được để bên họ vợ thấy nếu không sẽ bị bắt lỗi và bị phạt.

Trước kia, người ta hường gặp có một vài chàng rể cùng chung sống, làm ăn cần mẫn. Họ chỉ ra ở riêng khi có khả năng bảo đảm cuộc sống, khai phá nương rẫy riêng. Thằng hoặc chàng rể xích mích với cha mẹ vợ cũng ra ở riêng, nhưng bị cộng đồng, làng xóm phê phán.

Chế độ hôn nhân một vợ, một chồng đã bền vững trong xã hội Châu Ro. hai vợ chồng chung sống suốt đời, chồng đi đâu, vợ đi đó, sướng khổ khó nhau. Mời người đàn ông đi ăn nhang lúa, ăn cưới... phải mời luôn người vợ. Nếu sắp xảy ra tình trạng ly hôn, họ hàng đôi bên phải họp lại xem xét, phân xử lỗi ai gây ra. Ly hôn bị cộng đồng phạt vạ nặng theo luật tục truyền miệng bằng: trâu, ché, đồng la là những đồ vật xưa, quý, có giá trị bằng con trâu trở lên. Thông thường, người đòi ly hôn khó đáp ứng phạt vạ và khoản bồi thường do người bị ly dị đưa ra, nên phần lớn lại quay về chung sống cùng nhau. Nếu ai có khả năng đáp ứng điều kiện (phạt vạ và bồi thường) thì hai bên gia đình bàn bạc thỏa thuận. Sau khi nộp phạt và bồi hoàn thì mỗi người được tự do, đối xử tốt với nhau, không gây hận thù.

Tục lệ Châu Ro cho phép trai gái tự do tìm hiểu, yêu đương cho nên việc vợ chồng bỏ nhau rất ít xảy ra.

Người Châu Ro không lấy vợ chồng cùng họ tộc, dù cách nhau vài đời, vì coi đó là sự loạn luân, vi phạm luật tục cổ truyền. Hôn nhân không chỉ bó hẹp trong tộc người Châu Ro, người ta thấy họ cũng kết hôn với người Việt, Mạ, Xiêng, Khmer... Người Châu Ro lấy người Khmer cảm thấy gần gũi vì: “*Chăm ngai, sai mêch*” (Chăm xa, Miên gần).

Cuốn *Các sắc tộc thiểu số Việt Nam* và cuốn *Đại gia đình dân tộc Việt Nam* của Ngô Vĩnh Bình và Nguyễn Khắc Tụng (Nhà xuất bản Giáo dục – Hà Nội) viết về hôn nhân của người Châu Ro cũng có một chi tiết: “... ở người Châu Ro cũng có tục nếu vợ chết, người chồng có thể lấy em vợ. Và người đàn bà lấy chồng lâu năm mà không có con thì có quyền lấy thêm một người chồng nữa. Để tránh xích mích thường mỗi người chồng ở một nhà”. Đi điều tra điền dã tại các vùng đồng bào Châu Ro sống tập trung như Túc Trưng, Bảo Chánh, Lý Lịch, chúng tôi thấy không tồn tại tục hôn nhân chị em vợ (sôrôrat) hoặc hôn nhân anh em chồng (lêvirat) như ba tác giả trên nêu. Hoặc giả đó là nét phong tục quá xưa nay đã mờ hẳn trong tâm trí người đương đại?

Khi một cô gái lỡ có bầu, sẽ bị phạt nghiêm khắc Cha mẹ, họ hàng cô đào hố bắt cô nằm úp bụng xuống đó rồi đánh đòn để cô khai tên người tình. Họ sẽ bắt anh ta lấy cô, nếu không sẽ bị phạt vạ bằng trâu, ché, đồng la... Ngày nay, bà con bắt anh này nộp một số tiền để cô chuẩn bị sinh và nuôi con. Người con gái phải cúng phạt bằng gà, rươi... mới được vào nhà người khác. Xã hội Châu Ro không phân biệt đối xử với cô gái cả nể này cũng như đứa con hoang (*con*). Cô có thể lấy chồng khác – tuy không thành văn bản tục lệ - thường là người đàn ông góa vợ. Đã có vợ, chồng nếu mèο chuột với nhau có thể dẫn đến tình trạng đâm chém đổ máu và bị cộng đồng làng xóm phạt vạ rất nặng.

Người phụ nữ Châu Ro sắp đến ngày sinh thì chồng làm một cái chòi ở gần nhà, như chòi để lúa, đủ chỗ cho sản phụ nằm. Họ kiêng cử không để trong nhà vì sợ ô ւế, tổ tiên giận gay bệnh tật, làm ăn không được.



Bà con Châu Ro ở Lý Lịch bắt đầu làm nhà để cho người phụ nữ mang bầu tháng thứ bảy. Nhà để để cách nhà ở chính chỉ từ 5 đến 10 m. Các cột nhà này phải sưng đuột, không có dây leo (mong cho sản phụ khi sinh đau bụng ít, đưa trẻ ra đời dễ và ít bệnh tật). Nhà phải ở nơi quang đãng không có cây cối, gò mồi; sản phụ nằm xoay mặt ra cửa với khoảng nhìn ngắn. Mỗi lần sinh đẻ, gia đình làm cho người phụ nữ một nhà để khác nhau, xong việc thì phá bỏ chứ không dùng cho lần sau. Thời gian nằm ở nhà để khoảng 9 ngày, việc cơm nước do người chồng lo hoặc do chị em giúp. Sau thời gian này, sản phụ phải tắm rửa cẩn thận mới được về nhà chính của mình. (Nay nếu nơi nào gần trạm xá hoặc nhà hộ sinh thì chị em tới đó sinh đẻ). Người chồng đi rước bà mẹ về và cắm cành lá cấm người lạ vào nhà thời gian này vì sợ ma quỷ phá phách, làm trẻ quấy khóc, bệnh hoạn. Nếu người phụ nữ khó sinh, sẽ được cho uống một vài chén thuốc lá rừng gồm: lá và rễ cây lấu, cây bông trang, mùa cua, dây vú bò... thì đưa trẻ sổ dễ dàng như được chích một mũi thuốc kích thai. Người mẹ và đứa trẻ sơ sinh được tắm nước lá rừng gồm: mục pu, ừng gâm, mùa cua (*tâng cham*)... mỗi ngày 3 lần. Có nơi có tục cho

sản phụ uống một ly nhỏ nước muối và ăn từng ít xôi nếp một. Khi sản phụ đẻ con so được ăn nhiều thứ, mỗi thứ một vài miếng nhỏ, nếu thức ăn nào làm đau bụng, khó chịu, tiêu chảy... thì có lá rừng trị liền (và sau đó phải cữ lâu ngày). Hằng ngày sản phụ còn dần bụng và uống thuốc lá rừng gồm: cút cu (vót đũa), đồng hồ, chân chim, vú bò, mè (để làm tiêu cuống nhau và sổ cửa mình), hồng quân (*thơ thường quun*), từ bi (*ừng gâm*), sương sáo (*sương plú*), đoong xcâu... Hầu như người đàn ông Châu Ro nào lớn tuổi cũng biết các bài thuốc dân tộc kích sanh, lá để tắm, lá uống mau lại sức... Sản phụ thường nằm bếp than để chống lạnh. Bảy ngày sau, hồi phục sức khỏe, một số chị đã đi làm thì gia đình bỏ cãnh lá cấm.

Người chồng thịt gà, nấu xôi làm mâm cỗ mời bà mẹ tới khấn vái cho đứa nhỏ mau lớn, không bị quỷ ám, không bệnh tật, đó là lễ tạ ơn bà mẹ. Lễ vật ngoài rượu, thịt gà, xôi nếp, trà, trầu cau, thuốc hút còn có một chiếc cà rá, một cây đuốc dầu chai. Bà mẹ đốt đuốc, quay tròn làm phép xóa bỏ ám ảnh con mắt ma quỷ dòm ngó. Cúng xong, ngã ra ăn uống. Tên đứa trẻ có thể do cha mẹ hoặc bà mẹ đặt, nhưng nhất thiết không được trùng tên ông bà, chú bác... Trẻ được 7, 8 tháng thì người mẹ lấy bốn, năm hạt gạo cho vào túi nhỏ nấu nhừ với thuốc lá rừng của mẹ, cho nó uống vài lần để trẻ

mau mạnh. Hằng năm, gia đình đều biếu bà mụ: gà, trà, rượu... để tạ ơn.



Thầy cúng

Họ tin *ma lai* làm người ta bệnh tật xui xẻo, nên ai có ma lai sẽ bị cách ly khỏi cộng đồng (xưa kia có thể bị giết chết). Chịu ảnh hưởng các tộc người khác, họ cũng tin các cây cổ thụ, hòn đá lớn đều có ma quỷ trú ngụ cũng tin con người có 3 hồn 7 vía (hoặc 9, nếu là nữ) nên lúc cúng *Yang va* hằng năm thầy chằng hoặc bà bóng sẽ **lấy vía trả**

lại người trong nhà (sợ vía có thể đi lạc). Lu nước của gia đình phải để hướng đông khi ngủ thì nằm đầu hướng tây và không úp

mặt, không co chân (sợ không ăn nên làm ra). Họ cấm con nít la hét lúc bình minh hoặc chiều tà vì tin rằng lúc đó ma quỷ đi săn, chúng, chúng tưởng là khỉ sẽ bắn mũi tên bệnh tật làm trẻ đau ốm và có thể chết.

Người Châu Ro cũng như các dân tộc khác ở miền Đông Nam Bộ mỗi khi đau ốm thường nghĩ do một lực siêu nhiên nào đó gây ra. Bà con thường mời bà bóng cúng chữa bệnh (*ủa xà păm tằm bli*). Thường ngày, bà bóng vẫn đi rầy, làm lụng chứ không thoát ly lao động. Bà bóng là một

phụ nữ đặc biệt được thần linh ộp vào, học truyền khẩu thuộc lòng các bài cầu cúng. Theo quan niệm của bà con, bà bóng có thể gặp gỡ ông bà tổ tiên của bệnh nhân, trông thấy ma quỷ gây bệnh, là người liên lạc giữa thế giới này với cõi vô hình. Khi bộ lục lạc rung lên theo nhịp điệu, tiết tấu nhất định, đầu và thân bà bóng đảo liên tục, đó là lúc bà ta giao tiếp với thần linh, ông ba tổ tiên hoặc ma quỷ, hiểu các vị đó đòi cúng thứ gì (gà? heo? trâu?). Chủ nhà hỏi, bà bóng lấy một chén nước lã, đốt một nén nhang, hươ hươ vài vòng trên chén nước, miệng lầm rầm cầu khẩn, soi xem vì sao người đó bị bệnh và phải trả lễ thứ gì. Tùy theo lời phán của bà bóng, chủ nhà phải giết gà vịt, dê, heo, hoặc trâu cúng ông bà hoặc xin ma quỷ tha.

Lễ cúng chữa bệnh thường làm ban đêm. Cúng một lần chữa khỏi, gia đình người bệnh lại tới hỏi bà bóng, lại cúng nữa, lễ vật tăng lên từ gà vịt tới dê, heo hoặc trâu. Bệnh kéo dài, gia đình người bệnh càng sốt ruột, muốn người bệnh chóng khỏi, càng không quản tốn kém. Cuộc sống hàng ngày của người Châu Ro vốn đã eo hẹp, lúa gạo trồng ra có hạn, gia súc ít ỏi, thì mỗi khi gia đình có người đau ốm, kinh tế càng khó khăn. Việc cúng lễ khiến đàn gia súc nhỏ bé của mỗi gia đình khó trở thành sản phẩm hàng hóa.



Trước ngày giải phóng, nhiều tu sĩ người Mỹ đến vùng đồng bào dân tộc Châu Ro truyền đạo, một mặt dùng vật chất lôi kéo, mặt khác cho thuốc chữa bệnh gây lòng tin với bà con. Từ đó, một số nhà thờ Tin lành được xây cất, phục vụ ý đồ chính trị sâu xa của đế quốc Mỹ. Từ sau ngày giải phóng, ta mở rộng mạng lưới y tế xã, đẩy mạnh tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh nên đến nay phần lớn tin ở thuốc hơn tin vào bà bóng cúng cho khỏi bệnh.

Vấn đề ma chay của người Châu Ro khá đơn giản, có nhiều nét tương tự các dân tộc anh em khác ở miền Đông Nam Bộ. Khi gia đình có người qua đời (do già hoặc bệnh tật) bà con dòng họ và làng xóm đến chia buồn ngay. Gia đình người chết cử người đi báo tin cho họ hàng ở xa về dự đông đủ, nếu không sẽ bị trách móc nặng nề. Thường thường, người cùng dòng họ ở tụ họp gần nhau nên việc báo tang không mất thì giờ, hiếm có

trường hợp thân nhân ở xa trên 100km. Họ hàng tới mang theo rượu, gà vịt, nhang, vàng mã... góp phần cúng người chết. Việc dùng nhang và vàng mã rõ ràng chịu ảnh hưởng của người Việt, người Hoa... vì khi ăn nhang lúa, người Châu Ro thường đốt vụn trầm (nay trầm hiếm, người ta đốt nhang thay thế).

Nhà có ông bà, cha mẹ qua đời thì con trai, con gái, con rể, con dâu phải thức sáng đêm biểu thị lòng thương nhớ người đã khuất, tối kỵ nằm ngủ. Người ta làm *mâm* cơm cúng có đủ cơm, rượu, thịt, cá, trầu cau, thuốc hút, nhang, đèn cầy đặt ở đầu sạp tử thi nằm, áo người chết đang mặc cắt hết nút (khuy). Người Châu Ro không chuẩn bị trước cỗ hàng (áo quan, hòm, quan tài). Một số người trong dòng họ hoặc hàng xóm vào rừng chọn cây **mồ hòm**. Nhà chủ chuẩn bị một mâm cơm có đủ rượu thịt, trầu cau, thuốc hút... gánh theo làm *lễ cúng xin cây*. Một người lớn tuổi đặt mâm cỗ cúng, khăn vải ngăn gọn dưới gốc cây *xa cao*, cây tung định chặt hạ (các loại gỗ này mềm, thớ thẳng, đường kính trên 50 cm). Với cây riu bén, tốp chặt hạ chỉ ra tay chưa đầy một giờ thì cây đổ. Họ cắt một khúc dài hơn 2 m, dùng riu và nôm chẻ dọc thân cây thành 2 phần: phần mỏng 20 cm đểo làm nắp trên, phần dưới dày 30 cm dùng riu moi ruột lõm xuống để đựng tử thi. Một tốp 5

người làm xong hòm mất một buổi. Ăn xong cổ cúng xin cây họ khiêng hòm về nhà.

Xác chết liệm bằng tấm chăn người đó thường đắp rồi cho vào hòm. Người ta dùng dây mây cuốn một số đai quanh hòm, xoắn lại, đóng nêm cho nắp và thân hòm khít rịt, trét khe hở giữa thân và nắp bằng đất sét hoặc xôi nếp giã nhuyễn nhằm ngăn mùi hôi không bốc ra. Mặt ngoài hòm, có thể dán giấy hồng đơn. Nếu người chết thuộc loại nghèo, đơn chiếc, họ hàng làng xóm ít không làm được hòm thì người ta liệm xác vào chăn, ngoài bó chiếu, ngoài cùng nẹp bảy hoặc chín nẹp tre to cỡ bàn tay đan kết bằng dây mây (kiểu các cán thương tự tạo thời kháng chiến) bó tròn lại để khiêng đi chôn cho dễ. Bà con dòng họ hoặc hàng xóm giúp đỡ tang chủ một ít rượu, gạo, gà vịt, tiền tùy lòng hảo tâm.

Xưa kia, người Châu Ro để người chết trong nhà ba hôm thì đem chôn. Họ không lập nghĩa địa, nơi chôn thường do người sắp chết trần trối ở một góc rừng vắng nào đó. Nếu không có lời dặn dò thì một người trong tang quyến khăn vái, gieo quẻ bằng 2 đồng tiền, nếu một đồng ngửa, một đồng sấp thì sẽ chôn theo lời khăn. Việc gieo quẻ chắc cũng chịu ảnh hưởng các dân tộc anh em sống xen kẽ gần đây, và cũng chỉ ở vùng Xuyên Mộc (Bà Rịa - Vũng Tàu) mới có việc này.

Sáu thanh niên cùng dòng họ (bây giờ là cùng xóm ấp) chia thành 3 cặp: 2 cặp khiêng 2 đòn ngắn ở đầu và cuối hòm, 1 cặp khiêng đòn dài dọc hòm, đi theo hiệu chiêng đám ma. Người thân (vợ con, họ hàng...) đi theo sau, khóc lóc kể lể tới khi hạ huyệt. Huyệt cũng không đào trước. Người nhà tang chủ gánh theo một mâm cỗ đủ rượu thịt trà thuốc... tới nơi định đào huyệt, xen keo thần rừng (Yang bri), thần đất cho gọi người chết rồi mới đào hố chôn cất, không cần chọn hướng. Người ta đóng cọc đánh dấu phía đầu và chân. Cách nay vài chục năm, người Châu Ro cũng làm **nhà mồ** (nhi *câm* hoic) có hàng rào cây bao quanh, sống như các dân tộc Tây Nguyên – Nam Trường Sơn. Nay vật liệu (tre, cây) khan hiếm, nhà mồ không còn nữa. Ở cạnh mộ gia đình để một số chén, đĩa, dĩa, chai lọ, tìn... với ý nghĩa chia của cho người quá cố, dù sang thế giới bên kia vẫn có vật dụng hàng ngày. Lúc trước, đồ chia của để nguyên, sau này người ta đập vỡ, chọc thủng, quần áo cũ thì đốt và giải thích có đập và đốt như thế người chết mới dùng được. Thực ra, biến tấu này nhằm chống lòng tham của một số đi lượm đồ chia của về xài, cũng có thể do chịu ảnh hưởng tục đốt vàng mã của các dân tộc anh em khác.

Xưa kia, người ta giết heo hoặc trâu để cúng tạo mã, đầu và 4 chân con vật chôn cùng người

chết. Đưa đám xong, mọi người về nhà, ông đầu tộc rảy nước phép cửa nhà người chết cũng như rảy lên người đưa đám để ma quỷ và hồn người chết không ám, sau đó mọi người dự bữa cơm do chủ nhà đãi. Gia đình người chết đem của cải của người chết ra cho mọi người coi rồi chia số của đó cho con cháu làm vật kỷ niệm.

Qua ba ngày, gia đình ra đốt lửa sưởi ấm ngôi mộ. Người Châu Ro cũng mở cửa mả vào ngày thứ bảy. Gia đình làm mâm cơm cúng có 7 (hoặc 9) viên cơm tròn, 7 (hoặc 9) miếng trầu cau, 7 (hoặc 9 hạt) nhúm muối, một chai rượu, một con gà, một bịch thuốc rê... mang ra mộ khăn vái xin người quá cố an nghỉ nơi mồ mả, đừng về quậy phá hoặc gây bệnh tật cho người trong nhà, phù hộ gia đình làm ăn thuận lợi bằng anh bằng em trong làng xóm. Muốn biết liệu người chết hoặc ma quỷ có quấy nhiễu gia đình hay không một số nhà rải lớp tro ở vườn để xem dấu chân ma quỷ. Chịu ảnh hưởng của các dân tộc anh em, nhiều gia đình Châu Ro cũng dấy cỏ, sửa sang mồ mả vào ngày 23 tháng chạp ta. Họ làm mâm cơm cúng ở mộ, có thấp nhang và khăn vái; ngày tất niên (29 hoặc 30 tháng chạp ta) cũng cúng ông bà tổ tiên vào dịp Tết năm mới.

Ở Túc Trưng thì 3 ngày sau người ta cúng ở nhà “để cho nhà cửa được sạch sẽ, con cháu khỏe

manh và làm ăn khá giả”. Hàng năm, họ không cúng người khuất. Trong xóm ấp có người chết thì nhân đưa đám mà con cháu rầy cỏ, vun đắp mộ ông bà, cha mẹ... Nay đến 25 tháng chạp âm lịch, bà con cũng sửa sang mồ mả như một số dân tộc khác. Trẻ con chết yếu thì làm tang đơn giản hơn nhiều, thường chôn cất ngay trong nhà, số người đưa đám cũng ít.

Người chết bất đắc kỳ tử (chết có máu: *chich prieng*, *pi dâng*) như: thất cổ, tự vận, chết đuối, chết do đâm chém hoặc bom đạn, xe cán... thì người ta nhờ bà bóng thày chang trực hồn người chết hỏi ma nào bắt. Người ta chôn cất gần nơi bị chết, nghi lễ đơn giản, không để thây nằm lâu ở đó. Chủ nhà thường mời thần chang **cúng trút hồn** (*trâng bghi*) để mong trong nhà không có ai bị như thế nữa. Người chết trẻ có khi bị bấm lỗ tai, cột ngón chân để sau này có đầu thai thì gia đình nhận biết.

Người Châu Ro thờ đa thần - tín ngưỡng nguyên thủy - có liên quan mật thiết với nghề nông cổ truyền: *Yang va* (thần lúa), *Yang bri* (thần rừng), *Yang dal* (thần suối), *sang re* (thần rẫy), *Yang mơ* (thần ruộng)... và một số thần linh ma quỷ khác: *Yang nhi* (thần nhà, thổ công), *pach vri* (quỷ sứ), *chaq*(đọc *tra :ma lai*)...

Phần đông người Châu Ro sống hoàn toàn bằng nghề nông cổ truyền nên tục cúng *Yang va* (*Yang*: thần, *va*: lúa) đến nay vẫn còn nhiều nét đặc sắc. Khoảng tháng 11 âm lịch, mùa nương rẫy kết thúc, thóc lễ thu hoạch xong được phơi lễ cất vào chòi hoặc bồ *lúa* (*nhi va*). Từ tháng chạp đến tháng ba ta, bà con vô rẫy chặt cây, phát cỏ. Từ rằm tháng ba, họ xem trời, lựa ngày nắng khô để đốt rẫy, chuẩn bị trỉa hạt mùa tới. Đó là thời điểm cúng *Yang va*. Cách nay dăm chục năm trước, người Châu Ro còn ở *nhà dài* thì lễ cúng *Yang va* mang tính tập thể kéo dài khoảng một tuần lễ. Nay từng hộ nhỏ lần lượt cúng thì lễ hội này ở mỗi ấp có thể kéo dài cả tháng, nhưng cũng chỉ gọn trong tháng ba.

Trước ngày cúng chủ nhà xách chai rượu ịt đi mời họ hàng, chòm xóm. (Khách đến dự đều chuẩn bị một chai rượu, có thể là rượu đế, và phong bao tiền nhiều, ít tùy hảo tâm). Bữa trước khi cúng *Yang va*, chủ nhà làm mâm cơm cúng mời ông bà tổ tiên về ăn lễ cùng con cháu. Đêm cúng *Yang va* chủ nhà nhờ họ hàng, bè bạn tới làm giúp. Lễ vật cúng nhang: hai con gà luộc (ở chòi lúa), hai con gà luộc (cúng ông bà), một con gà luộc (ở rẫy trỉa lúa) với rượu ịt, trầu cau, bánh trái. Nhà làm ăn trúng mùa thì giết heo. Xưa kia, khi còn ở nhà sàn

dài, bà con có tục đâm trâu tương tự các dân tộc anh em Tây Nguyên.

Bánh cúng gồm: *piêng chum* (bánh tét), *piêng puh* (bánh dày mè đen), bánh ít, bánh ú, *piêng đing* (cơm lam)... Người ta lấy hai cây tre non vót bông ở đầu cây tượng trưng cho bông lúa; một cây dựng ở bàn thờ (gô *Yang*), một cây đặt trên bồ lúa (voh *piêng va*) hoặc trong chòi lúa (*nhi va*). Bàn thờ của người Châu Ro rất đơn sơ, đặt *mâm* cúng gồm: thịt gà luộc, bánh rượu, trầu cau, miếng thịt heo sống. Riêng ***mâm hứa trả vụ tới*** không có thịt gà mà có 15 cọng tre mỗi cọng xâu 7 miếng tim, gan, lòng... đặt quanh miếng thịt heo sống, đầu heo sống, thịt gà sống (chưa nấu) cả con.

Trong khi người nhà và họ hàng chuẩn bị lễ vật cúng thì bà chủ nhà (*mây va*) đeo gùi và vác *chà gạc* ra rẫy. Trên đường, bà chặt lấy một ngọn mía, một thân chuối non, hai trái bầu khô (dành sẵn từ trước) cho vào gùi. Ở giữa rẫy, đã chừa lại một bụi lúa *mây* hạt. Bà chủ nhà khấn vái một lúc rồi cắt bụi lúa cho vào gùi, đi thẳng về chòi lúa. Bà đặt bụi lúa, ngọn mía, trái bầu, thân chuối vào đó, khấn khứa một hồi nữa.

Từ 7 giờ tối tới nửa đêm, thầy chang (*katung đăp*) hoặc bà búp (*xà băm*) làm lễ 3 lần:

- *Lần đầu*, thầy chàng đọc lời thỉnh *Yang* và ông bà tổ tiên về chúng kiến lòng thành của chủ nhà, sau đó đập đầu một con gà rồi mổ thịt để cúng.
- *Lần thứ nhì*, bà búp khăn trả lễ mùa trước. Nếu năm vừa rồi, chủ nhà hứa cúng heo mà năm đó trúng thì nay mổ heo tạ lễ; chẳng may mùa vụ thất bát thì chỉ cúng con gà cũng được.
- *Lần thứ ba*, bà búp **lên đồng**, cùng chủ nhà khăn vái mong mùa tới *Yang* và ông bà cho được mùa thì sẽ trả lễ to.

Lễ cúng diễn ra trong tiếng đàn cồng chiêng 6 chiếc đánh theo nhịp điệu lúc khoan thai, lúc dồn dập. Ban đêm thanh vắng, tiếng *đồng* la vang xa hàng km.

Bài khăn hứa của chủ nhà có tiết tấu nhịp nhàng, nội dung giống nhau hay khác nhau tùy từng địa phương. Ông Thổ Hời ở xã Bảo Chánh (Xuân Lộc) là thầy cúng, đọc bài **lai vung** cầu khăn:

“... ờ ớ bơn nơi, *na cô mia rpap, na cô pan bơn yênh bươn nhai, muynh ênh pơ zlah, là pah ênh lir, là pir ênh đang, là pang ênh yêt, pây xim yô tang, bay Yang yô bơ, an ênh ôp hut, ôp xa nơ*

*gheh, đần ôp đần o, đần poh đần oh, đần xa nơ
gheh...”*

(Lược dịch nội dung: Kính cáo ông bà tổ tiên
rõ, cha mẹ man thai, cha mẹ sinh đẻ, con sấm lễ
đãi ông bà tổ tiên, con không quên ông bà, mong
ông bà cho con làm ăn được mùa bằng anh bằng
em, có ăn có uống...)

Ông Sáu Đồng - người Châu Ro ở Xuyên
Mộc (Bà Rịa - Vũng Tàu) đọc lời khấn khác:

*...Tơ Yang pan yang cô bap, Yang rêh Yang
ru, Yang vu Yang tênh, Yang đêh Yang cô, u ạ ta
yar; tơ Yang pan Yang cô bap, Yang voh tơ nây,
nar he ênh oh, nar he ênh vah, nar he ênh toh, vor
nhai muynh vor ta lep, tơ ne pan Yang cô bap...”*

(Lược dịch nội dung: Lạy
trời, lạy ông bà tổ tiên, lạy ma
lạy chư thần khèn, tên ná,
thuốc độc, thần lúa, thần muối;
hôm nay tôi khấn, tôi van vái, tôi
trả hứa cũ chứ không dám nói
láo, nói gạt...”)

Sau lời khấn vái, thầy
chang vẩy ít gạo lên bàn thờ. Ba
lượt lễ kết thúc, chủ nhà làm tiệc
đãi khách gần xa suốt ngày hôm sau. Người phụ
nữ lớn tuổi nhất trong gia đình chịu trách nhiệm cai



Sự sống

quản chòi lúa (nha va) gọi là mẹ lúa (*mây va*) uống ly rượu đầu tiên vì bà tiêu biểu cho sự cai quản, chăm sóc nhà dài, nương rẫy, chịu đựng nhiều lo lắng với cộng đồng nhỏ bé. đây là nét bảo lưu của chế độ mẫu hệ.

Mọi người ăn uống, hò hát, nhảy múa trong tiếng cồng chiêng “bồn bênh” theo tiết tấu, nhịp điệu khác nhau. Ché rượu cần (*tôh xe jro*) được châm nước đầy, miệng ché đặt một con cò tre làm cữ, cắm một số vôi hút. Chủ nhà mời *một* cò *rượu* thì khách phải hút lượng rượu tương đương một chén ăn cơm. Rồi người ta châm thêm nước lã cho mức rượu cần vừa châm con cò. Một vị khách khác được mời... Quá trình trên tiếp diễn. Mồi đầu rượu đậm, càng về sau rượu càng nhạt dần. Xóm ấp sôi động, rộn ràng. Con trâu, con bò cũng được chủ cho ăn miếng bánh, uống ly rượu như để đền ơn khó nhọc:

Ngoài tục lệ cúng nhang lúa, người Châu Ro còn *cúng rẫy* trước khi dọn rẫy cũ, phát rẫy mới. Lễ vật gồm: một con gà, một chai rượu, vài chiếc bánh nếp, một chén gạo, một nhúm muối, vài miếng trầu cau... Bà con cúng tại đầu bờ, thấp nhang khăn vái, rồi những người dọn rẫy ăn uống trước khi bắt tay vào công việc.

Khi lúa có đòng, người Châu Ro *cúng lúa chửa* (có bầu) tương tự người Chăm. Lễ vật là: gà, rượu, trái cây (nhất thiết có trái me và khế chua là những thứ phụ nữ mang bầu ưa thích), trầu cau...

Lúa bắt đầu chín, người Châu Ro tuốt lúa mới phơi khô và cho vào rang rồi lã bằng chày đằm (chày cối vùng đồng bào dân tộc). Gạo mới đem nấu cơm cúng; nhất thiết không dùng gạo mua hoặc gạo ở rẫy người khác. Mâm cúng gồm: 1 muống gạo mới, 8 chén cơm 8 con cá, 1 chén mật ong, 2 ly rượu. Khách dự là bạn bè thân, họ hàng, thầy chang *katungđăp* hoặc bà bóng *xàpăm*. Mỗi khách dự đều mang theo chai rượu biếu chủ nhà góp vào tiệc vui.

Người Châu Ro cúng Yang bri (thần rừng) vào trước mùa mưa, song không ấn định thời gian cụ thể. Già làng đứng ra tổ chức cúng Yang bri, mọi người trong xóm ấp góp lễ vật: gạo, rượu, heo, gà, vịt, trầu cau, trái cây... Lễ vật bày dưới tán cây to (thường là ở gốc cây dầu, ca đa, cây bằng lăng...); vị Già làng cầu suối cho nhiều cá, rừng cho nhiều nai, mền, cây có nhiều chim, nhiều ong... Bài khấn dưới đây thu thập ở xã Châu Pha (Bà Rịa - Vũng Tàu):

Đất đai dương trạch

Hoài đai dương trạch

*Cây có lá xanh
Đá Trang, sông Xoài
Hòn Đại, hòn Lang
Trương Giác, Trương Hảo
Trương Thiên vạn vị
Mới tại thiên lập địa
Con người còn tối tăm non dại
Thừa thần linh
Nhờ ơn thần linh
Con trai ra con trai
Con gái cầm chày giã gạo
Con trai đi săn bắn ná
Thừa thần linh...*

(Trích: **Các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai**, tài liệu đánh máy lưu trữ ở MTTQ tỉnh)

Lời khấn này chắc chắn chịu ảnh hưởng lời khấn của thầy cúng Việt, nhưng vẫn giữ bản sắc dân tộc thiểu số. Cúng xong, mọi người ăn uống rồi ra về.

Văn hóa dân gian của người Châu Ro khá phong phú. Dân ca, chuyện cổ tích và huyền thoại được lưu truyền qua các thế hệ đều phản ánh: tình

yêu, hiện thực sản xuất lao động, tín ngưỡng vạn vật hữu linh... Chúng ta cần kịp thời tổ chức sưu tầm, giữ gìn vốn quý này; chẳng bao lâu, nếu không thực hiện được, vốn tinh thần này sẽ vĩnh viễn mất đi.

Người Châu Ro có một số dụng cụ âm nhạc cổ truyền: chiêng đồng, mõ gỗ, trống, khèn bầu, sáo, kèn nhỏ, kèn ống lúa, đàn ống tre... Bộ chiêng đồng có 7 chiếc (3 chiếc lớn tạo hòa âm, giai điệu, 4 chiếc nhỏ giữ nhịp) dùng trong lễ cúng nhang lúa, lễ cầu an, đám cưới... Xưa kia, chiêng đồng được dùng rộng rãi trong các buổi sinh hoạt văn nghệ cộng đồng, hòa giải xích mích. Tiếng chiêng trầm hùng vang xa được bà con gọi nôm na là đồng la (vật bằng đồng biết la). Ngày nay, các xóm ấp Châu Ro hầu như không còn bộ chiêng nào, ngoại trừ ở Túc Trưng và Lý Lịch (bộ chiêng Lý Lịch do Sở VH TT Đồng Nai mua và giao cho bà con giữ, sử dụng)

Xưa kia, khi hàng hóa chưa giao lưu rộng, người Châu Ro tự dệt loại vải thô, hoa văn khá đặc sắc. Đến nay, nghề dệt thổ cẩm thủ công hầu như biến mất vì vải dệt máy nhiều, rẻ, bán khắp nơi.

Từ sau ngày thống nhất đất nước tới nay, đã 20 năm trôi qua. Cuộc sống của đồng bào Châu Ro có những biến đổi đáng kể. Với chương trình

định canh định cư của Nhà nước, tình trạng du canh, du cư giảm rất nhiều. Rút kinh nghiệm xây dựng khu định canh định cư Tà Lài, cán bộ ta đã trưng cầu ý kiến đồng bào Châu Ro ở Lý Lịch, (xã Phú Lý) làm nhà theo lối cổ truyền được bà con hoan nghênh. Mô hình khu định canh định cư Lý Lịch có những thành công nhất định và cần được triển khai ở những nơi có điều kiện.

Sống xen kẽ với các dân tộc anh em, đồng bào Châu Ro tiếp thu được kinh nghiệm làm lúa nước (ở những vùng có ruộng) đạt năng suất cao hơn trồng lúa trên rẫy. Một số bà con ở Bảo Vinh, Xuân Thọ... đã đầu tư trồng cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm có giá trị hàng hóa cao.

Trẻ em Châu Ro phần lớn đều đến trường tiểu học ở tỉnh, trường phổ thông dân tộc nội trú Đồng Nai có 232 học sinh Châu Ro học từ cấp 2 đến cấp 3. Một số sinh viên Châu Ro được tỉnh cấp học bổng để có thể theo học đến khi tốt nghiệp.

Mạng lưới y tế xã góp phần đẩy lui bệnh tật của bà con và ngày nay khi bị bệnh rất ít người cúng bái mà đưa người bệnh tới trạm xá và mua thuốc uống. Phụ nữ sinh đẻ cũng ra trạm xá để bảo đảm mẹ tròn con vuông.

Hàng trăm công nhân các nông trường cao su Cẩm Mỹ, Hàng Gòn có thu nhập ổn định và cao

hơn hẳn mức sống của nông dân. Bình quân lương hàng tháng năm 1995 khoảng 700 ngàn đồng chưa kể tiền thưởng vượt năng suất. Nông trường Cẩm Mỹ đã xây cất cho mỗi gia đình công nhân Châu Ro một căn hộ, công đoàn cơ sở liên tục vận động, giáo dục bà con nếp sống mới sạch sẽ, gọn gàng. Các cặp vợ chồng trẻ được hướng dẫn chu đáo để thực hiện KHHGD, tạo hạnh phúc đôi lứa...

Nhưng nhìn chung, do chưa dứt bỏ thói quen du canh, du cư, chưa được hướng dẫn tốt cách làm kinh tế gia đình nên phần đông còn gặp khó khăn trong đời sống ở Phước Bình (Long Thành), số hộ nghèo đói khoảng 80%, Đồng chí Điều Bảo - chủ tịch UBND xã Túc Trưng, đại biểu Quốc Hội - cho biết: số gia đình bà con Châu Ro thiếu đói cũng không dưới 80%. Nhiều hộ sang đất ở gần nhà đi làm rẫy ở rất xa nhưng vẫn chưa khá. Bà con không muốn vay vốn "xóa đói giảm nghèo" vì lo vay rồi không có tiền trả...

Để giúp đồng bào Châu Ro giữ được bản sắc độc đáo của dân tộc mình, điều cấp thiết là tìm mọi cách giúp bà con vượt qua đói nghèo triền miên, đồng thời, từng bước giúp nâng cao trình độ dân trí của cộng đồng mà đối tượng chính là đông đảo thanh thiếu niên Châu Ro.

PHẦN IV
NGƯỜI CHÂU RO ANH HÙNG
XÃ TÚC TRƯNG ANH HÙNG

Xã Túc Trưng huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai là làng Túc Trưng thuộc tổng Bình Tuy, quận núi Chứa Chan (sau đổi ra quận Võ Đắc, rồi quận Xuân Lộc thời thuộc Pháp, quận Kiệm Tân dưới chế độ Sài Gòn) tỉnh Biên Hòa cũ. Làng Túc Trưng lập cách nay hơn 100 năm, là địa bàn cư trú của đồng bào Châu Ro. Đầu thế là XX, thực hiện chính sách khai thác thuộc địa, thực dân Pháp đã ráo riết cướp các vùng đất đỏ bazan ở Biên Hòa, đuổi đồng bào dân tộc bao đời sinh sống tại đó để mở các đồn điền cao su, trong đó có đồn bào Túc Trưng. Chúng ra sức chia rẽ các dân tộc, các tôn giáo để dễ bề áp bức thống trị nhân dân các dân tộc tỉnh Biên Hòa cũ. Từ những năm 1936 - 1937, cán bộ Đảng đã tới Túc Trưng và các vùng lân cận để giáo dục, giác ngộ cách mạng cho đồng bào. Điều Tiên - người Châu Ro ở Võ Đông – là một trong các đảng viên cộng sản sớm nhất ở vùng này.

Ngày 28 - 8 - 1945, nhân dân các dân tộc ở Túc Trưng với vũ khí thô sơ tự tạo: chà gạo, tên và ná... kéo về huyện Xuân Lộc dự lễ ra mắt chính quyền Cách mạng. Hôm sau UBND xã Túc Trưng thành lập cùng với các đoàn thể quần chúng. Năm

1946, chi bộ Đảng Túc Trưng ra đời với 3 đảng viên. Từ đó, chi bộ xây dựng các tổ và cơ sở nòng cốt trong công nhân cao su, trong nhân dân lao động. Chủ Pháp trở lại tiếp tục khai thác đồn điền dưới sự yểm trợ của quân đội xâm lược. Nhân dân Túc Trưng đã tiến hơn ba chục thanh niên tòng quân giết giặc và đóng góp nhiều thóc gạo, tiền bạc cho kháng chiến. Tháng 10/1946, ta vận động được 3 lính bót Túc Trưng về với kháng chiến mang theo súng. Nhân dân và du kích Túc Trưng góp phần vào trận đánh giao thông La Ngà của chi đội 10 ngày 1 - 3 - 1948.

Sau hiệp định Genève 1954, phong trào công nhân miền Đông Nam Bộ lên cao. Chi bộ xã chỉ đạo hơn 300 công nhân đồn điền Túc Trưng đấu tranh đòi: nâng lương tối thiểu, tăng khẩu phần gạo, thi hành đúng luật lao động... buộc giới chủ phải chấp nhận một số yêu sách ngày 10 - 11 - 1955. Do một tên phản bội chỉ điểm, địch đánh phá nên các đồng chí trong chi bộ phải dời vùng tạm lánh đi nơi khác.

Tháng 10 - 1962, cán bộ ta về xây dựng hai tổ vũ trang tuyên truyền. Cuối năm 1963, chi bộ Túc Trưng được lập lại. Từ đó, các cơ sở quần chúng được xây dựng và phát triển ngày càng nhiều. Đội du kích mật, hội phụ nữ giải phóng, thanh niên giải phóng... ra đời và bước vào cuộc đấu tranh quyết liệt với địch. Các cuộc binh vận, các đợt diệt ác phá

kèm kết hợp với những trận đánh táo bạo đã từng bước phá lỏng tiến tới phá rã các ấp chiến lược Hòa Bình, Thái Hòa, Cây Xăng Đồng Xoài, Tân Lập... của địch.

Ngày 15 - 5 - 1965, du kích Túc Trưng phối hợp với bộ đội khu miền Đông và bộ đội địa phương Định Quán đánh phục kích đoàn xe địch ở km 99 đến km 110, bắn cháy 25 xe, diệt hơn 60 tên địch. Tháng 9 - 1965, du kích xã được 1 trung đội chủ lực tăng cường, nhờ nội ứng, đã diệt một tiểu đội bảo an bót Túc Trưng, số còn lại bỏ chạy xuống Kiệm Tân. Vào dịp Tết Mậu Thân 1968, cơ sở và du kích xã kết hợp với bộ đội huyện nổi dậy tiến công làm chủ địa bàn xã một tuần liền. Địch dùng lực lượng sư đoàn 18 và pháo binh Kiệm Tân phản kích ác liệt chiếm lại xã. Đêm 6 - 3 - 1968, du kích xã và bộ đội huyện lại tiến công địch ở hai ấp Thái Hòa và Hòa Bình làm chủ xã trong 2 ngày liền. Đêm 17 - 5, bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương lại đánh bót Suối Rắc gây cho địch nhiều thiệt hại.

Tháng 2 - 1969, đồng bào trong xã đấu tranh không cho địch dồn dân vào ấp chiến lược, áp tân sinh. Công nhân cao su phối hợp đấu tranh đòi tăng lương giảm giờ làm, buộc chủ phải chấp nhận yêu sách.

Tháng 4 - 1969, lữ đoàn 199 Mỹ càn vào căn cứ Cây Đa, bộ đội huyện và du kích xã dũng cảm bám địch, diệt 6 tên. Hơn 10 ngày sau, chúng tràn vào căn cứ Đồi, bộ đội huyện và du kích xã phục kích vòng ngoài diệt 12 tên, làm một số khác bị thương.

Tháng 5 - 1969, du kích xã phục vụ bộ đội huyện và bộ đội chủ lực Miền vận động bao vây tiêu diệt 1 trung đoàn của sư 18 nọy bắn rơi 2 máy bay Mỹ, thu hơn 60 súng các loại.

Xã đội trưởng Điều Cải cùng một tổ 3 du kích hóa trang mặc quần áo lính địch, đột vào chợ Túc Trưng nổ súng diệt 17 tên đang ăn uống, anh em ta rút lui an toàn.

Tháng 7 - 1969, đồng chí bí thư xã Năm Đê và 2 đồng chí đột nhập chợ Túc Trưng diệt 2 tên ác ôn giữa ban ngày làm bọn địch rất hoảng sợ.

Tháng 4 - 1970, nhân một số đơn vị lính nọy bị điều sang chiến trường Campuchia, các cơ sở ta làm binh vận khiến số phòng vệ dân sự đòi trả súng, không đi lính nữa.

Tháng 3 - 1971, 2 trung đội bảo an tràn vào căn cứ xã ở trong cao su. Ta đánh phục kích, diệt 20 tên. Tháng 5, các đồng chí Điều Mạn và Ba Nam đánh mìn ĐH.10 và claymore xóa sổ trung đội 60 bảo an, 3 tên thoát chết chạy về đồn.

Nhân sự kiện 2 nữ giao liên đi công tác vướng mình hi sinh, ta vận động bà con tổ chức tang lễ 2 ngày đấu tranh với địch khiến chúng phải cử người viếng tang và hứa gỡ mình cho bà con ra rẫy làm ăn.

Tháng 2 - 1972, du kích hỗ trợ cơ sở và quần chúng phá tan từng mảng bộ máy kèm kẹp ở các ấp, làm rã đội phòng vệ dân sự ở ấp Cây Xăng.

Tháng 12 -1972, thực hiện đợt “chồm lên chiếm lĩnh”, du kích xã phối hợp với bộ đội huyện tiến công đồn dân vệ B.10, đánh địch phản kích diệt 50 tên, chiếm giữ địa bàn, cắt đứt lộ 20 nhiều ngày.

Trong năm 1974, ta vừa tổ chức đánh địch, vừa làm binh vận, vừa vận động nhân dân đấu tranh chống địch hành quân bằng cách chĩa cây trên quốc lộ 20, đắp mô, làm chướng ngại vật...

Ngày 17 - 3 -1975, quận lỵ Định Quán được giải phóng. Địch co cụm về yếu khu Túc Trưng. 5 giờ sáng ngày 14 - 4 - 1975, du kích xã và các đơn vị K.9, C.374 tăng cường đồng loạt nổ súng đánh vào các vị trí địch ở Túc Trưng. Sau 2 ngày chiến đấu quyết liệt, ngày 16 - 4 - 1975, xã Túc Trưng hoàn toàn giải phóng.

Trong hai thời kỳ kháng chiến, nhất là trong 21 năm chống Mỹ nhân dân Túc Trưng đã ủng hộ

hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm, nhiều tiền bạc và vật dụng khác cho cách mạng.

Số gia đình cơ sở nuôi giấu Cán bộ: 37. Số gia đình tham gia đóng góp nuôi dưỡng: hơn 500 hộ. Từ năm 1963 - 1975, hơn 250 người tham gia kháng chiến. Tổng số liệt sĩ: 97 (trong đó có 11 đảng viên). Số huân chương, huy chương các loại tặng cho cá nhân: 438. Số bà mẹ Việt Nam anh hùng: 6. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân: liệt sĩ Điều Cải.

Năm 1995, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Túc Trưng được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu vẻ vang: ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN.

XÃ PHÚ LÝ ANH HÙNG

Xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu xưa là làng Lý Lịch thuộc tổng Bình Tuy, quận Võ Đắc tỉnh Biên Hòa. Làng Lý Lịch được lập ít nhất hơn 100 năm nay, đổi tên là Phú Lý từ sau ngày giải phóng (1976) thuộc huyện Tân Phú, nhập về huyện Vĩnh Cửu (lúc này là thị xã Vĩnh An) ngày 6 - 8 - 1988 (theo quyết định số 1148/QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai).

Phú Lý có đồng bào dân tộc Châu Ro chiếm tỷ lệ khá cao. Dưới chế độ thực dân, họ bị nhà cầm quyền Pháp và bọn quan lại tay sai áp bức bóc lột nặng nề, do đó nhiều người phải đi ở đợ, đi phu, đi lính. Già làng Hồng Văn Ló từng cầm rựa rượt đuổi làng lính tới bắt dân đi xâu không công. Vào các năm 1937 - 1938, chúng bắt một số dân làng đi làm quốc lộ 20, làm nhà tù Tà Lài. Bà con được vận động giác ngộ đã bỏ về như các ông Năm Cẩn, Ba Kịp... khiến kẻ địch tức tối. Vào những năm 1940 - 1941, một số chiến sĩ cộng sản vượt *cãng* Tà Lài trong đó có Trần Văn Giàu - được một số đồng bào Lý Lịch như ông Nguyễn Văn Huỳnh, Nguyễn Văn Thiêng... che giấu, nuôi dưỡng một thời gian, mặc cho địch truy lùng, dọa dẫm, mua chuộc hòng bắt lại số đã thoát.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công ông Hồng Văn Hộ được cử làm chủ tịch xã đầu tiên. Các đoàn thể quần chúng lần lượt được xây dựng. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ nhì, đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa và nống ra các địa phương bà con Lý Lịch đã vận chuyển lương thực thực phẩm, các vũ khí: tên và ná... về chiến khu Đ để góp phần chống giặc càn quét, lấn chiếm. Bà con dù nghèo vẫn nuôi đoàn C, đội võ trang tuyên truyền, đặc biệt, cán bộ và các chiến sĩ phòng Quốc dân thiểu số Biên Hòa... Một

số thanh niên Lý Lịch như: Nguyễn Văn Ngô, Hồng Văn Hàng, Hồng Văn Hà, Hồng Văn Lượng đã hăng hái thoát ly tham gia kháng chiến. Cuối năm 1946, bà con đón nhận 10 hộ gồm 48 nhân khẩu phu đồn điền bỏ trốn khỏi vòng kềm kẹp của địch.

Quân Pháp nhảy dù xuống Lý Lịch song đồng bào và các đơn vị đứng chân ở đây đã kịp thời sơ tán vào rừng, bảo vệ được tính mạng và tài sản chung (ngày 5 - 3 - 1947).

Tháng 5 - 1947, chi bộ Đảng xã Lý Lịch thành lập gồm 6 đảng viên: Huỳnh Văn Dó, Hồng Văn Hà, Hồng Văn Lượng, Hồng Văn Huế, Huỳnh Văn Rang, Nguyễn Văn Ngô. Đoàn thanh niên cứu quốc, hội phụ nữ cứu quốc được củng cố và phát triển. Năm ấp trong xã có 5 tiểu đội dân quân du kích làm nhiệm vụ bảo vệ xóm làng, do đồng chí Hai Ngô làm xã đội trưởng.



Đại biểu Quốc hội Diều Bào với dân làng



Đánh chiêng



Đàn Goong Kola



Bà mẹ Việt Nam anh hùng Diệu Thị Thọ